

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm : RHENOGRAN ETU-80

Mã sản phẩm : 05425581

Nhà sản xuất / Nhà cung cấp thông tin chi tiết

Nhà cung cấp : LANXESS Deutschland GmbH
Production, Technology,
Safety & Environment
51369 Leverkusen, Germany

Điện thoại : +4922188852288

Điện thoại khẩn cấp : +492143099300

Khuyến nghị và hạn chế khi sử dụng

Cách sử dụng đề xuất : Chất xúc tác

2. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Chất Gây/Hỗn hợp : Hỗn hợp

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
ethylene thiourea	96-45-7	≥ 70 - ≤ 100
White mineral oil (petroleum)	8042-47-5	≥ 3 - < 5
Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic	64742-54-7	≥ 1.5 - < 3
Alcohols, C6-24, distn. residues	102242-49-9	≥ 1 - < 1.5

3. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI

Phân loại theo GHS

Độc tính cấp tính (Đường miệng) : Nhóm 4

Độc tính gây ung thư : Nhóm 2

Độc tích sinh sản : Nhóm 1 B

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần : Nhóm 1 (Tuyến giáp)

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Nhóm 3

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13
MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116
Ngày ban hành cuối cùng: -
Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Thành phần nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Lời cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H302 Có hại nếu nuốt phải.
H351 Nghi ngờ gây ung thư.
H360 Có thể gây tổn hại cho sự sinh sản hoặc thai nhi.
H372 Gây tổn thương các cơ quan (Tuyến giáp) khi phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
H402 Có hại đối với thủy sinh vật.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202 Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ.
P260 Không được hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P281 Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân khi được yêu cầu.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P312 + P330 **NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi tới **TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/** bác sỹ nếu bạn cảm thấy không khỏe. Súc miệng.
P308 + P313 **NẾU** đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Lưu trữ:

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các nguy cơ khác không có trong GHS

Được biết là chưa xảy ra.

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.
Không được để nạn nhân một mình.

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sỹ.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa. Gỡ bỏ kính áp tròng. Bảo vệ con mắt không bị tổn thương. Mở rộng mắt khi rửa. Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Ngay lập tức gây nôn và gọi bác sĩ. Giữ sạch đường hô hấp. Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ. Ngay lập tức đưa nạn nhân đi bệnh viện.
- Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm : Được biết là chưa xảy ra.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Không đòi hỏi biện pháp đặc biệt gì.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy phù hợp : Trong trường hợp cháy, sử dụng nước/bụi nước/tia nước/carbon dioxide/cát/bọt/bọt chịu cồn/bột hóa chất để dập lửa.
- Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy : Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.
- Các sản phẩm cháy nguy hại : Carbon đioxit (CO₂)
Carbon monoxit
Nitơ ôxit (NO_x)
Ôxit lưu huỳnh
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Tránh tạo ra bụi. Tránh hít bụi.
- Các biện pháp phòng ngừa về môi trường : Ngăn ngừa không cho sản phẩm đi vào hệ thống cống rãnh. Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

này an toàn.
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.

Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch : Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Tránh tạo ra bụi.
Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.
- Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn : Tránh tạo ra các bụi hô hấp.
Không được hít hơi/bụi.
Tránh phơi nhiễm - tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi dùng.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.
- Các điều kiện lưu giữ an toàn : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
Các bình chứa đã mở phải được đóng gắp lại cẩn thận và giữ theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ.
Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
- Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn kho lưu trữ

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
White mineral oil (petroleum)	8042-47-5	TWA (Hơi sương)	5 mg/m ³	VN OEL
		STEL (Hơi sương)	10 mg/m ³	VN OEL
		TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi)	5 mg/m ³	ACGIH
Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic	64742-54-7	TWA (Hơi sương)	5 mg/m ³	VN OEL
		STEL (Hơi sương)	10 mg/m ³	VN OEL

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

		TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi)	5 mg/m ³	ACGIH
--	--	---------------------------------	---------------------	-------

Thiết bị bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ hô hấp** : Trong trường hợp có bụi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.
Cần đeo mặt nạ chống bụi khi nồng độ bụi vượt quá 10mg/m³.
- Bảo vệ tay**
Vật liệu : Cao su nitrin - NBR
Thời gian đeo : < 60 min
- Ghi chú** : Cần thảo luận với nhà sản xuất găng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.
- Bảo vệ mắt** : Chai rửa mắt đựng nước tinh khiết
Kính bảo hộ vừa khí
- Bảo vệ da và cơ thể** : Bộ quần áo bảo hộ không thấm bụi
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.
- Các biện pháp vệ sinh** : Không được ăn hoặc uống khi sử dụng.
Không hút thuốc khi sử dụng.
Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái : hạt
- Màu sắc : màu be
- Mùi đặc trưng : yếu
- Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệu
- Độ pH : chưa có dữ liệu
- Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc : chưa có dữ liệu
- Điểm sôi/khoảng sôi : chưa có dữ liệu
- Điểm chớp cháy : chưa có dữ liệu
- Tỷ lệ hóa hơi : chưa có dữ liệu
- Khả năng bắt cháy (chất rắn, : chưa có dữ liệu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

khí)	
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	: chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	: chưa có dữ liệu
Mật độ	: 1.28 g/cm ³ (20 °C)
Độ hòa tan	
Tính tan trong nước	: không tan
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ bốc cháy	: chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	: chưa có dữ liệu
Độ nhớt	: chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	: chưa có dữ liệu
Đặc tính ôxy hóa	: chưa có dữ liệu
Trọng lượng phân tử	: chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Tính ổn định hóa học	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm	: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. Bụi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ trong không khí.
Các điều kiện cần tránh	: chưa có dữ liệu
Các vật liệu xung khắc	: Không có thông tin cụ thể gì.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm	: Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp

Sản phẩm:

- Độc tính cấp theo đường miệng : Ước lượng độc tính cấp: 673.27 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán
- Độc tính cấp do hít phải : Ước lượng độc tính cấp: > 10 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Phương pháp tính toán
- Độc tính cấp qua da : Ước lượng độc tính cấp: > 5,000 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Thành phần:

ethylene thiourea:

- Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): 545 mg/kg
LD50 (Chuột): 900 mg/kg
- Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột): > 5,000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
Ghi chú: Phép ngoại suy theo Quy định (EC) số 440/2008

White mineral oil (petroleum):

- Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 5,000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401
- Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 5 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường hô hấp
- Độc tính cấp qua da : LD50 (Thỏ): > 5,000 mg/kg

Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:

- Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 5,000 mg/kg
- Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): > 5.53 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 4 h
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403

Alcohols, C6-24, distn. residues:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Độc tính cấp theo đường miệng : LD0 (Chuột): > 2,000 mg/kg
GLP: có
Ghi chú: Không có tỷ lệ tử vong ở nồng độ chỉ định

LD50 (Chuột): > 2,000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 423
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường miệng
Ghi chú: Không có tỷ lệ tử vong ở nồng độ chỉ định

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột): > 2,000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da
Ghi chú: Không có tỷ lệ tử vong ở nồng độ chỉ định

Ăn mòn/kích ứng da

Thành phần:

ethylene thiourea:

Kết quả: Không gây kích ứng da

White mineral oil (petroleum):

Loài: Thỏ

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404

Kết quả: Không gây kích ứng da

Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:

Kết quả: Không gây kích ứng da

Alcohols, C6-24, distn. residues:

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404

Kết quả: Không gây kích ứng da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Thành phần:

ethylene thiourea:

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

White mineral oil (petroleum):

Loài: Thỏ

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 405

Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Alcohols, C6-24, distn. residues:

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

Kích thích hô hấp hoặc da

Thành phần:

White mineral oil (petroleum):

Đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da

Loài: Chuột lang

Kết quả: Không gây mẫn cảm đối với động vật thí nghiệm.

Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:

Đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da

Loài: Chuột lang

Kết quả: Không gây mẫn cảm đối với động vật thí nghiệm.

Biến đổi tế bào gốc

Thành phần:

White mineral oil (petroleum):

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm

: Hệ thống thử nghiệm: Vi khuẩn

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Có hoặc không có sự hoạt hoá trao đổi chất

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Kết quả: Âm tính

Alcohols, C6-24, distn. residues:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm

: Hệ thống thử nghiệm: Vi khuẩn

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Kết quả: Âm tính

Hệ thống thử nghiệm: Loài có vú-Động vật

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 476

Kết quả: Âm tính

Hệ thống thử nghiệm: Loài có vú-Động vật

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 487

Kết quả: Âm tính

Tính gây ung thư

Thành phần:

ethylene thiourea:

Tính gây ung thư - Đánh giá : Ít bằng chứng về ảnh hưởng gây ung thư.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:

Tính gây ung thư - Đánh giá : Phân loại theo hàm lượng chiết DMSO < 3% (Quy định số 1272/2008 (EC), Phụ lục VI, Phần 3, Chú thích L)

Độc tính đối với sinh sản

Thành phần:

ethylene thiourea:

Độc tính đối với sinh sản - Đánh giá : Có bằng chứng rõ ràng về những ảnh hưởng có hại đối với sự phát triển, dựa vào các thực nghiệm trên động vật

White mineral oil (petroleum):

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loài: Chuột, Đực và cái
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Liều lượng: > 4350 Mili gram mỗi kilô
Triệu chứng: Không có mức ảnh hưởng.
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 415

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột, con cái
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Liều lượng: > 4350 Mili gram mỗi kilô
Thời gian cần thiết cho mỗi ca điều trị: 19 d
Kết quả: Không có khả năng gây quái thai.

Alcohols, C6-24, distn. residues:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Liều lượng: 2000 Mili gram mỗi kilô
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loài: Chuột
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Liều lượng: > 1000 Mili gram mỗi kilô
Kết quả: Không có khả năng gây quái thai.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Thành phần:

ethylene thiourea:

Các cơ quan đích: Tuyến giáp
Đánh giá: Gây tổn thương các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

White mineral oil (petroleum):

Loài: Chuột, Đực và cái
NOAEL: 1,800 mg/kg

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm: 90 d
Liều lượng: 1800 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408
Ghi chú: Tính độc mãn tính

Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:

Loài: Thỏ
NOAEL: 200 mg/kg
Lộ trình ứng dụng: Tiếp xúc với da
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Liều lượng: 200 mg/kg
Ghi chú: Tính độc mãn tính

Loài: Chuột
NOAEL: 0.21 mg/l
Lộ trình ứng dụng: Hít phải
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Liều lượng: 0,21 mg/l
Ghi chú: Tính độc mãn tính

Alcohols, C6-24, distn. residues:

Loài: Chuột
NOAEL: > 250 mg/kg
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Liều lượng: > 250 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 408
Ghi chú: Độc tính gần mãn tính

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Thành phần:

ethylene thiourea:

Độc đối với cá : LC50 (Poecilia reticulata (cá guppy)): 7,500 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 26.4 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

Độc đối với tảo : EC50 (Chlorella pyrenoidosa (Tảo lục Chlorella pyrenoidosa)): 6,600 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 3.2 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 Days
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211

White mineral oil (petroleum):

Độc đối với cá : Mức ảnh hưởng có hại không quan sát được (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Ghi chú: Nước ngọt

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : LC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
Ghi chú: Nước ngọt

Độc đối với tảo : NOELR (Pseudokirchneriella subcapitata (Tảo Pseudokirchneriella subcapitata)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201
Ghi chú: Nước ngọt

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : Mức ảnh hưởng có hại không quan sát được (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 1,000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 28 Days

Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 5,000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 1,000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

Độc đối với tảo : EC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): > 1,000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Alcohols, C6-24, distn. residues:

Độc đối với cá : LC50: > 10,000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Độc đối với tảo : EC50: > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

NOEC: > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

Tính bền vững và phân hủy

Thành phần:

ethylene thiourea:

Tính phân hủy sinh học : Phân hủy sinh học: 0 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301F

White mineral oil (petroleum):

Tính phân hủy sinh học : hiều khí
Nồng độ: 44 mg/l
Kết quả: Có khả năng phân huỷ sinh học sẵn có.
Phân hủy sinh học: 31 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301F
GLP: có

Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Có khả năng phân huỷ sinh học sẵn có.

Alcohols, C6-24, distn. residues:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Dễ phân huỷ sinh học.
Phân hủy sinh học: 73 - 81 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301B

Tiềm năng tích lũy sinh học

Thành phần:

ethylene thiourea:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: -0.67

White mineral oil (petroleum):

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: > 6

Tính biến đổi trong đất

chưa có dữ liệu

Các ảnh hưởng có hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : Việc quản lý hoặc tiêu huỷ không chuyên nghiệp có thể gây ra

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

các hậu quả về môi trường
Có hại đối với thủy sinh vật.

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

- Chất thải từ cặn : Không được đổ sản phẩm vào cống, rãnh, mương, máng, nơi nước chảy hoặc vớt xuống đất.
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép
- Các bao bì đã nhiễm hoá chất : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

- Cảnh báo nguy hiểm : Không phải hàng hóa nguy hiểm.
Để tránh xa thực phẩm.

15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Danh mục các tiền chất và hóa chất độc của Công ước : Không áp dụng được
Vũ khí Hóa học Quốc tế (CWC)

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính
BCF = Hệ số nồng độ sinh học
GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT RHENOGRAN ETU-80



Phiên bản 1.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/08/13	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000011116	Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI
------------------	--	---	--

ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
VN OEL : Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho
phép trong không khí vùng làm việc

ACGIH / TWA : 8 giờ, trung bình tính theo thời gian
VN OEL / TWA : Trung bình về thời gian
VN OEL / STEL : Từng lần tối đa

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.